

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VÀ ÚC



Trung tâm Hỗ trợ hội nhập quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh

Tháng 10/2024

1. QUAN HỆ THƯƠNG MẠI GIỮA ÚC VÀ VIỆT NAM

1.1. Tình hình thương mại giữa Việt Nam và Úc

Bảng 7: Tình hình thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Úc giai đoạn 2019 – 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
Việt Nam xuất khẩu hàng hóa	Tỷ USD	3,527	3,621	4,401	5,518	5,224
Việt Nam nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD	4,456	4,677	7,968	10,119	8,533
Tổng kim ngạch hai chiều	Tỷ USD	7,983	8,298	12,369	15,637	13,757
Tỷ lệ tăng trưởng xuất nhập khẩu	%		4%	49%	26%	-12%

(Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Hải quan, 2024)

Qua hơn 50 năm, quan hệ hợp tác thương mại Việt Nam - Úc ngày càng được thúc đẩy, mở rộng. Trong năm 2023, thương mại song phương đạt 13,76 tỷ USD, thuộc nhóm 10 đối tác thương mại hàng đầu của nhau. Trong giai đoạn 2019-2024, kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và Úc tăng trưởng đều đặn, với giá trị cao nhất vào năm 2022, đạt trên 15 tỷ USD.

1.2. Thương mại các mặt hàng chính

Bảng 8: Chi tiết tình hình xuất nhập khẩu các mặt hàng chính giữa Việt Nam và Úc giai đoạn 2019 – 2023

Đơn vị: Triệu USD

TT	Mặt hàng	2019	2020	2021	2022	2023
A	HÀNG HÓA VN XUẤT KHẨU CHÍNH	3.527	3.621	4.401	5.518	5.224
1	Điện thoại các loại và linh kiện	699	627	680	765	589
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	268	305	348	565	563
3	Dầu thô	99	92	211	402	552
4	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	423	448	486	522	506
5	Hàng dệt, may	255	248	353	450	472
6	Giày dép các loại	297	289	310	439	391
7	Hàng thủy sản	208	229	265	364	314
8	Sản phẩm từ sắt thép	117	81	137	154	156
9	Gỗ và sản phẩm gỗ	152	172	169	188	148
10	Sắt thép các loại	29	30	103	208	147
B	HÀNG HÓA VN NHẬP KHẨU CHÍNH	4.456	4.677	7.968	10.119	8.533
1	Than các loại	1.566	1.613	2.128	4.270	3.282
2	Quặng và khoáng sản khác	539	791	1.667	1.113	1.060
3	Bông các loại	90	49	605	1.275	1.016
4	Lúa mì	242	214	940	1.084	925

TT	Mặt hàng	2019	2020	2021	2022	2023
5	Kim loại thường khác	511	556	773	660	562
6	Hàng rau quả	114	115	136	158	142
7	Phế liệu sắt thép	159	90	265	163	117
8	Sữa và sản phẩm sữa	50	60	75	97	69
9	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	25	18	48	64	59
10	Dược phẩm	64	45	38	49	40

(Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Hải quan qua các năm)

Nhằm cung cấp cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam thông tin hữu ích về thị trường, nâng cao năng lực xuất khẩu sang thị trường Úc, bài viết sẽ phân tích cụ thể một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực và tiềm năng:

1.3. Cơ hội xuất khẩu một số mặt hàng quan trọng của Việt Nam sang Úc

1.3.1. Dệt may

Năm 2017, Úc nhập khẩu 9,32 tỷ USD hàng dệt may, nhưng chỉ có 173 triệu USD (1,9%) từ Việt Nam, điều này cho thấy dư địa tăng trưởng còn rất lớn. Sau khi CPTPP chính thức có hiệu lực, với lộ trình ưu đãi thuế quan với xuống 0% trong vòng 4 năm đối với nhiều sản phẩm dệt may, sẽ là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu.

Úc là một trong ba thị trường nhập khẩu dệt may lớn nhất trong khối CPTPP, với tiềm năng xuất khẩu rất lớn cho các sản phẩm từ Việt Nam. Mặc dù xuất khẩu dệt may của Việt Nam thời gian gần đây đã tăng đáng kể nhưng còn ở tỷ lệ khiêm tốn 4,1% (năm 2023), với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng năm của Việt Nam đạt 18%, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng chung của toàn thị trường. Để tận dụng tối đa các cơ hội từ CPTPP và các FTA khác, các doanh nghiệp cần chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, tuân thủ các quy định về môi trường và thời gian giao hàng, đồng thời cạnh tranh về giá cả.

1.3.2. Giày dép

Ngành giày dép giai đoạn gần đây 2019 – 2023 có dấu hiệu chậm tăng trưởng so với giai đoạn trước, mức tăng trưởng trung bình là 8% trong giai đoạn này, so sánh với mức 21% ở thời kỳ trước. Trong năm 2023, xuất khẩu giày dép từ Việt Nam đạt 391 triệu USD, giảm 11% so với năm trước.

Qua các năm, Việt Nam luôn là nước xuất khẩu giày dép lớn thứ hai sang Úc, chỉ sau Trung Quốc. Các sản phẩm giày dép của Việt Nam xuất sang Úc tiêu biểu như giày mũ vải (HS6404), giày mũ da (HS6403), và giày có đế nhựa hoặc cao su (HS6402). Điều này cho thấy Việt Nam đang chiếm lĩnh thị trường một cách hiệu quả và tuy nhiên cần có các giải pháp để giữ vững vị thế, tăng xuất khẩu trở lại và gia tăng thị phần trong tương lai, đặc biệt trong cạnh tranh về giá cả và chất lượng.

1.3.3. Thủy sản

Ngành thủy sản là một trong những ngành xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản từ Việt Nam sang Úc đã có sự tăng trưởng ổn định trong những năm qua. Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực bao gồm tôm, cá tra, và mực. Thị trường Úc có yêu cầu cao về chất lượng và tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, điều này đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải đáp ứng các quy định nghiêm ngặt về kiểm dịch và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, với ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là giảm thuế nhập khẩu, các doanh nghiệp Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh rõ rệt để mở rộng thị phần trong lĩnh vực này.

1.3.4. Sắt thép

Trong những năm gần đây, kim ngạch xuất khẩu sắt thép từ Việt Nam đã tăng trưởng mạnh, đạt mức hàng trăm triệu USD mỗi năm. Sự gia tăng nhu cầu từ các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng tại Úc, cùng với giá cả cạnh tranh và chất lượng sản phẩm từ Việt Nam, đã giúp ngành

sắt thép trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Đặc biệt, các sản phẩm thép cán nóng và thép xây dựng đang chiếm ưu thế. Mặc dù ngành thép Úc vẫn còn sức cạnh tranh nội địa mạnh, các doanh nghiệp Việt Nam có thể tận dụng lợi thế về chi phí sản xuất thấp để mở rộng xuất khẩu, nhất là khi nhu cầu về các dự án hạ tầng ở Úc tiếp tục tăng cao.

Lưu ý: Theo số liệu của WTO, tính đến hết tháng 6 năm 2022, Úc đã tiến hành 423 vụ điều tra PVTM và áp dụng 194 biện pháp, trong đó có 18 vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam. Năm 2022, Úc thông báo chính thức chấm dứt áp thuế CBPG đối với nhôm định hình nhập khẩu từ Việt Nam, nhưng đồng thời khởi xướng điều tra CBPG đối với amoni nitrat nhập khẩu từ Việt Nam. Hiện cơ quan điều tra của Úc vẫn đang thu thập thông tin điều tra.

Sản phẩm thép hình cán nóng của Việt Nam bắt đầu được cảnh báo từ tháng 10/2023. Trước đó, Úc đã áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) đối với thép hình cán nóng nhập khẩu từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan - Trung Quốc và Thái Lan từ năm 2013. Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu thép hình cán nóng của Việt Nam sang Úc đạt gần 16 triệu USD, tăng 42% so với năm 2022, chiếm 10,5% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Úc.

1.3.5. Gỗ

Úc là thị trường tiềm năng cho ngành đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam, tuy nhiên, thời gian gần đây thị phần xuất khẩu từ Việt Nam đang bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi các nhà cung cấp từ Trung Quốc. Năm 2023, xuất khẩu gỗ giảm 21%, tuy nhiên xuất khẩu gỗ năm 2024 được kỳ vọng tăng cao, số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan ghi nhận trong 3 tháng đầu năm 2024 xuất khẩu gỗ đã đạt 34,6 triệu USD, tăng 30,9% so với cùng kỳ năm 2023. Một trong những thách thức là sản phẩm gỗ của Việt Nam chưa hoàn toàn đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng Úc.

Theo nghiên cứu của IBISWorld, người tiêu dùng Úc ưu tiên các sản phẩm nội thất với chi phí thấp và không quá quan trọng xuất xứ, người Úc quan tâm đến chất lượng, kiểu dáng và giá thành. Điều này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam cần đầu tư nâng cao công nghệ, giảm giá thành sản phẩm và cải thiện chất lượng để tăng sức cạnh tranh tại thị trường này. Bên cạnh đó, lợi thế về địa lý và ưu đãi thuế quan từ các hiệp định thương mại sẽ là cơ sở để các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu đồ nội thất trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục hải quan Việt Nam, 2020, Niên giám thống kê Hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2019.
2. Tổng cục hải quan Việt Nam, 2021, Nhập khẩu nước/vùng lãnh thổ - mặt hàng chủ yếu tháng 12 năm 2020.
3. Tổng cục hải quan Việt Nam, 2022, Xuất khẩu nước/vùng lãnh thổ - mặt hàng chủ yếu tháng 12 năm 2021.
4. Tổng cục hải quan Việt Nam, 2023, Xuất khẩu nước/vùng lãnh thổ - mặt hàng chủ yếu tháng 12 năm 2022.
5. Tổng cục hải quan Việt Nam, 2024, Xuất khẩu nước/vùng lãnh thổ - mặt hàng chủ yếu tháng 12 năm 2023.
6. Bộ công thương Việt Nam, 2021, Báo cáo xuất nhập khẩu năm 2020, Nhà xuất bản Bộ công thương.
7. Bộ công thương Việt Nam, 2021, Báo cáo xuất nhập khẩu năm 2020, Nhà xuất bản Bộ công thương.
8. Bộ công thương Việt Nam, 2022, Báo cáo xuất nhập khẩu năm 2020, Nhà xuất bản Bộ công thương.

9. Bộ công thương Việt Nam, 2023, Báo cáo xuất nhập khẩu năm 2020, Nhà xuất bản Bộ công thương.
10. Bộ công thương Việt Nam, 2024, Báo cáo xuất nhập khẩu năm 2020, Nhà xuất bản Bộ công thương.
11. Website Tổng cục Hải quan Việt Nam tại địa chỉ <https://www.customs.gov.vn/>
12. Cơ quan thống kê Úc, 10/2024, <https://www.abs.gov.au/>
13. Hệ thống cơ sở dữ liệu của ITC, 10/2024, <https://www.trademap.org/Index.aspx>
14. Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng thế giới (WB), 10/2024.
<https://data.worldbank.org/country/australia>